

Số: 462a /QĐ-UBND

Quảng Nghiệp, ngày 05 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách xã năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ QUẢNG NGHIỆP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 28/07/2022 của Hội đồng nhân dân xã Quảng Nghiệp về việc quyết toán ngân sách năm 2021;

Theo đề nghị của của ông cán bộ Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2021 của xã Quảng Nghiệp (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Cán bộ Tài chính- Kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VP

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vũ Chí Mạnh



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1.000 đồng

NỘI DUNG	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	38.326.087	TỔNG SỐ CHI	38.326.087
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	317.623	I. Chi đầu tư phát triển	30.910.209
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	20.542.659	II. Chi thường xuyên	4.645.247
III. Thu bổ sung	15.530.700	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	2.770.631
- Bổ sung cân đối	3.765.213	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	11.765.487		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	20.660		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	1.914.445		
Kết dư ngân sách		Kết dư ngân sách	

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	33.498.296	17.147.213	85.145.622	38.326.087	254,2%	223,5%
I	Các khoản thu 100%	99.000	99.000	317.623	317.623	320,8%	320,8%
	Phí, lệ phí	18.000	18.000	10.381	10.381	57,7%	57,7%
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	75.000	75.000	193.776	193.776	258,4%	258,4%
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	6.000	6.000	36.471	36.471	607,9%	607,9%
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác			76.995	76.995		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	23.580.083	7.229.000	67.362.194	20.542.659	285,7%	284,2%
1	Các khoản thu phân chia	158.000	158.000	393.126	393.126	248,8%	248,8%
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	29.000	29.000	11.864	11.864	40,9%	40,9%
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	9.000	9.000	9.300	9.300	103,3%	103,3%
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	120.000	120.000	371.962	371.962	310,0%	310,0%

2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	23.422.083	7.071.000	66.969.068	20.149.533	285,9%	285,0%
	- Thuế giá trị gia tăng	52.500	42.000	80.771	64.617	153,8%	153,9%
	- Thu tiền sử dụng đất	23.333.333	7.000.000	66.864.142	20.065.592	286,6%	286,7%
	-Thuế thu nhập cá nhân	36.250	29.000	24.155	19.324	66,6%	66,6%
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	5.654.000	5.654.000	1.914.445	1.914.445	33,9%	33,9%
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			20.660	20.660		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.165.213	4.165.213	15.530.700	15.530.700	372,9%	372,9%
	- Thu bổ sung cân đối	3.265.213	3.265.213	3.765.213	3.765.213	115,3%	115,3%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	900.000	900.000	11.765.487	11.765.487	1307,3%	1307,3%

THÀNH ĐƠN

Đơn vị: 1.000 đồng

[illegible]

QUYẾT TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2021

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: 1.000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2020	Giá trị đã thanh toán năm 2021			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		68.477.820	0	19.325.133	30.910.209	5.804.090	30.910.209	0
Thanh toán các công trình hoàn thành đến 31/12/2020		14.098.626	0	13.480.767	617.859	617.859	617.859	0
Nhà làm việc 3 tầng UBND xã	12/2013-8/2015	8.786.394		8.527.869	258.525	258.525	258.525	
Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư	7/2020-2/2021	5.312.232		4.952.898	359.334	359.334	359.334	
Công trình chuyển tiếp năm 2021		28.586.858	0	5.844.366	14.422.900	5.186.231	14.422.900	
Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã.	6/2020-7/2021	5.482.696		1.835.000	1.677.035		1.677.035	
Nhà hiệu bộ, phòng học (móng 3T) trường Tiểu học	2/2020-9/2020	5.152.907			3.486.231	3.486.231	3.486.231	
Nâng tầng 3 Nhà hiệu bộ, phòng học trường Tiểu học	9/2020-12/2020	1.652.687			1.000.000	1.000.000	1.000.000	
Cải tạo sân, rãnh nước, tường bao trường Tiểu học	10/2020-12/2020	971.001			700.000	700.000	700.000	
Cải tạo, nâng cấp hạ tầng khu nuôi trồng thủy sản thôn Gồm	12/2020-4/2021	6.875.000		3.845.366	1.654.634		1.654.634	
Nhà lớp học 3 tầng 6 phòng trường Mầm non	11/2020-9/2021	7.495.712		164.000	5.205.000		5.205.000	
Sửa chữa nhà lớp học 2T8P trường Mầm non	10/2021-12/2021	956.855			700.000		700.000	
Công trình khởi công năm 2021		25.792.336	0	0	15.869.450	0	15.869.450	
Cải tạo, nâng cấp đường GT Trạm y tế đến QL 37	6/2021-9/2021	3.370.544			2.500.000		2.500.000	
Sửa chữa nhà lớp học 3T12 phòng trường Tiểu học	6/2021-9/2021	1.083.574			330.000		330.000	

Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư thôn Mạc giai đoạn 2	7/2020-2/2021	9.432.478			8.639.450		8.639.450	
Xây dựng 7 Tuyến đường nội đồng	10/2021-02/2022	5.138.538			1.500.000		1.500.000	
Cải tạo, nâng cấp đường giao thông 191B đến ông Định	12/2021-3/2022	3.980.983			1.400.000		1.400.000	
Cải tạo, nâng cấp đường dân cư mới thôn Gồm- ông Phần	12/2021-03/2022	2.786.219			1.500.000		1.500.000	

